

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2018/HS-ST
Ngày 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;
2. Ông Phạm Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Ngọc T sinh năm 1995 tại tỉnh B; thường trú: Số 51/2A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1975 đã mất và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977; bị cáo có 02 em ruột, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: 03 tiền án về Tội trộm cắp tài sản (Bản án số 463/2014/HSST ngày 23/10/2014 và số 366/2016/HSST ngày 16/11/2016), Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Bản án số 398/2016/HSST ngày 16/12/2016) của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980; thường trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh S; tạm trú: 29A, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Đặng Tiên A, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

2. Hồ Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, huyện V, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 17/01/2018, Đặng Ngọc T đang chơi game ở tiệm net “Thiên Sơn 9999” thuộc khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B thì gặp Đặng Tiên A đến tiệm Net “Thiên Sơn 1999” để chơi cùng. Đến khoảng 02 giờ ngày 18/01/2018, T rủ Tiên A đi kiếm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Tiên A lấy xe đạp của mình chở T đi tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/01/2018, cả hai đi đến nhà trọ tại địa chỉ 29A, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 38H3 – 3706 của anh Nguyễn Văn B đang dựng trước cửa nhà trọ không có người trông coi. Lúc này, Tiên A đứng ngoài cánh giới còn T đi vào trong dãy nhà trọ, thấy xe mô tô biển số 38H3 – 3706 đang cắm sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe, T tiếp cận xe mô tô, quay đầu xe hướng ra đường rồi điều khiển để tẩu thoát, còn Tiên A đi xe đạp theo phía sau. Khi T và Tiên A đi khỏi dãy nhà trọ được khoảng 100m thì bị anh B phát hiện và đuổi theo. Thấy vậy, T đề ga bỏ chạy, còn Tiên A bị anh B bắt giữ. Sau đó, anh B và anh Hồ Văn Q được Tiên A dẫn đến tiệm Net “Thiên Sơn 9999” tìm T thì thấy xe mô tô 38H3-3706 đang dựng gần tiệm net, còn T thì đang bỏ chạy. Anh B đã trình báo với Công an phường Tân Đông Hiệp để tiến hành xử lý. Đến 01 giờ ngày 19/01/2018, Đặng Ngọc T đến trụ sở Công an phường Tân Đông Hiệp đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, biển số 38H3 – 3706; 01 xe đạp hiệu Tochan màu đỏ.

Theo kết luận định giá tài sản số 29 ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kết luận: Xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, số khung: VTTDCH091TT017143, số máy: không, biển số 38H3 – 3706, trị giá 600.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 127/CT - VKS ngày 02 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đặng Ngọc T về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/01/2018, tại dãy nhà trọ địa chỉ 29A, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B bị cáo Đặng Ngọc T cùng đồng phạm Đặng Tiến A đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, biển số 38H3 – 3706 của anh Nguyễn Văn B. Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 29/BB.ĐG ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An xác định xe mô tô bị cáo chiếm đoạt, trị giá 600.000 đồng.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”

Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 600.000 đồng, chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo T đang có 03 tiền án về hình phạt tù đối với Tội trộm cắp tài sản (Bản án số 463/2014/HSST ngày 23/10/2014 và số 366/2016/HSST ngày 16/11/2016), Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Bản án số 398/2016/HSST ngày 16/12/2016) của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An; chưa xóa án tích mà lại vi phạm. Như vậy, hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 38H3 – 3706 của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó Cáo trạng số: 127/CT - VKS ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Đặng Ngọc T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến tài

sản của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết trên để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp.

[7] Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên không xem là phạm tội có tổ chức. Bị cáo T là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi đưa tài sản ra bên ngoài, còn Đặng Tiến A có vai trò giúp sức cảnh giới cho bị cáo T chiếm đoạt tài sản.

[8] Đối với Đặng Tiến A cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, biển số 38H3 – 3706, trị giá 600.000 đồng, chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đặng Tiến A là đúng quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chỉ yêu cầu được nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa án không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Tài sản bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh, biển số 38H3 – 3706. Hiện trạng xe mô tô bị cáo chiếm đoạt, tại thời điểm Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An giao nhận xe cho Thi hành án quản lý thì có kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, số khung và số máy không thay đổi, không có đèn sau, không bửng, không kính chiếu hậu và không khởi động được. Theo kết quả xác minh tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương thể hiện: Xe mô tô nhãn hiệu GUIDA, sơn màu xanh, biển số 38H3–3706, số khung 017143, số máy 017143, chủ sở hữu xe là anh Lê Tiến P, có địa chỉ tại xã S, huyện H, tỉnh T. Qua xác minh tại địa địa phương, Công an xã S xác định trên địa bàn xã không đối tượng tên Lê Tiến P. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đăng trên Báo Bình Dương theo quy định nhưng đến nay vẫn không có ai đến liên hệ giải quyết. Thực tế xe mô tô do anh Nguyễn Văn B đang quản lý sử dụng. Anh B xác định xe mô tô do anh mua của người bạn không nhớ rõ lai lịch, được khoảng 4 năm nay với giá

3.300.000 đồng. Khi mua có viết giấy tay nhưng đã bị thất lạc, hiện vẫn chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Vì vậy anh B yêu cầu được nhận lại xe là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp liên quan đến xe mô tô này sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[10.2] Đối với 01 xe đạp hiệu Tochan màu đỏ của Đặng Tiến A sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng b khoản 1 Điều 173, các điểm h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn B 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh biển số 38H3-3706, số khung VTTDCH091TT017143, số máy 017143 (xe không có đèn sau, không bửng, không kính chiếu hậu).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe đạp hiệu Tochan màu đỏ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2018).

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà